

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày: 18-3-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Huân và bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 25/12/2020, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Tân S**, (tên gọi khác: Nô), sinh ngày 26/02/1992 tại: xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thái S và bà Phạm Thị T; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 04/6/2020 đến ngày 06/7/2020 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lãnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Duy B**, sinh ngày 30/01/1997 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị Bích T; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 31/10/2017 bị xử phạt Vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định số 231/QĐ-XPVP ngày 31/10/2017. Ngày 01/01/2019 đánh nhau bị Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Phạt tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 103/QĐ-XPVPHC ngày 24/5/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 04/6/2020

đến ngày 06/7/2020 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lĩnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Trịnh Trung T**, sinh ngày 16/6/1980 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán xe máy cũ; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Trung T và bà Lê Thị L; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 08/11/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 8 năm tù về tội Cướp tài sản. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 04/6/2020 đến ngày 06/7/2020 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lĩnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Hữu T1**, sinh ngày 25/6/1998 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu C và bà Phạm Thị Hằng N; tiền án, tiền sự: không. Ngày 25/3/2019 Tàng trữ, cất giấu dao, kiếm, súng nhựa bị Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Phạt tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 29/3/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Trần Nhật N**, (tên gọi khác: Nam tây), S ngày 20/11/1994 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 31/10/2017 bị xử phạt Vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định số 233/QĐ-XPVP ngày 31/10/2017. Ngày 25/3/2019 Tàng trữ, cất giấu dao, kiếm, súng nhựa bị Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Phạt tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ-XPVPHC ngày 29/3/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 04/6/2020 đến ngày 06/7/2020 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lĩnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Trần Đức A**, sinh ngày 06/01/1998 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân T và bà Vũ Thị L; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 29/3/2019 bị xử phạt Vi phạm hành chính bằng hình thức “Phạt tiền” về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng” theo Quyết định số 59/QĐ-XPVP ngày 29/3/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Trương Văn P, sinh ngày 18/4/1992 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn H và bà Lê Thị C; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Tưởng Văn H, sinh ngày 05/6/1992 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tưởng Đức T và bà Tưởng Thị L; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Công T2, sinh ngày 09/02/1992 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình P và bà Dương Thị G; có vợ Đàm Thị Bích L (đã ly hôn) và 01 con 05 tuổi; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Trịnh Trung Quân, S năm 1982. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Những người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Đan T3, sinh năm 1997. Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thanh T4, sinh năm 2000. Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

5. Chị Lê Thị Kim O, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

6. Anh Mai Hải L, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 11/4/2020, Nguyễn Tân S, Trần Công T2, Trương Văn P, Trần Đức A ngồi nhậu cùng bạn ở bãi biển, đến 21 giờ Trần Đức A đi về nhà trước. Trong lúc cả nhóm đang nhậu thì Trịnh Trung T gọi điện cho Phạm Thị Ngọc Tr (lúc đó đang ngồi nhậu với nhóm Nguyễn Tân S) để nói chuyện. Quá trình nói chuyện giữa Tr và T có mâu thuẫn với nhau nên Tr tắt máy và T gọi nhiều lần vào số điện thoại của Tr. Sau đó Nguyễn Tân S và Trần Công T2 lấy điện thoại của Tr để nói chuyện với T. Quá trình nói chuyện giữa S, T2 và T lời qua tiếng lại, thách thức nhau rồi hai bên hẹn nhau tới quán của Trịnh Trung T để gặp mặt nói chuyện. Sau đó, Trần Công T2, Nguyễn Tân S, Trương Văn P và nhóm bạn cùng đi đến quán của T và gọi điện cho Nguyễn Hữu T1 đang ngồi nhậu với Nguyễn Duy B, Trần Nhật N. Sau đó cả nhóm gồm Nguyễn Tân S, Trần Công T2, Trương Văn P, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Duy B, Trần Nhật N cùng tập trung tại quán của Trịnh Trung T. Tiếp đó, Trần Đức A đi mua đồ ăn đêm khi đi qua quán của T thấy cả nhóm tụ tập ở đây nên cũng dừng lại. Mai Hải L biết thông tin nhóm bạn tụ tập ở đây nên cũng đi tới. Nguyễn Công B đi chơi về thấy cả nhóm tập trung ở đây nên cũng đi lại chơi. Về phía Trịnh Trung T sau khi nói chuyện điện thoại với Nguyễn Tân S xong thì gọi điện cho em trai là Trịnh Trung Q xuống quán xem tình hình thế nào. Lúc này Q điều khiển xe mô tô đi xuống quán của T. Khi Quân đi tới, do trời tối nên Trần Công T2 nhìn nhầm Q là T nên hô to “Đây rồi! Đây rồi” và điều khiển xe mô tô đuổi theo Quân. Thấy Thành đuổi theo nên cả nhóm cũng đuổi theo sau. Biết cả nhóm đuổi theo mình nên Quân bỏ chạy tới bãi đất trống thuộc khu vực Đồng Trạm thì thấy Trịnh Trung T. Lúc này Trịnh Trung T và Tường Văn H đang nói chuyện. Khi thấy nhóm Trần Công Thành đuổi đánh anh Quân chạy về hướng mình nên H chạy vào vườn của ông Nhất rút 01 gậy gỗ tròn cầm chạy xông tới đuổi đánh nhóm Trần Công T2. Do trời tối nên nhóm Trần Công T2 thấy nhóm Trịnh Trung T cầm gậy gỗ nên nghĩ cả nhóm T chuẩn bị hung khí từ trước để đánh mình nên cả nhóm bỏ chạy. Khi vừa bỏ chạy được 10 -15 mét các đối tượng Trần Nhật N, Nguyễn Duy B, Nguyễn Hữu T1 và Trần Công T2 nhặt đá ven đường ném về phía nhóm Trịnh Trung T. Khi thấy nhóm Trần Công T2 dùng đá ném về phía mình thì T và H tiếp tục cầm gậy gỗ đuổi theo đánh thì nhóm T2 bỏ về phía thôn X. Lúc này, anh Q chạy theo sau. Quá trình rượt đuổi đánh nhau thì cả hai nhóm có hành vi hò hét, chửi tục nhau. Khi bị đuổi thì nhóm T2 bỏ chạy vào trong khu dân cư đến nhà chị Nguyễn Thị C thì thấy phía trong nhà chị C có nhiều gậy gỗ nên Trương Văn P, Trần Đức A, Trần Nhật N, Nguyễn Duy B mỗi người cầm một gậy gỗ; Trần Công T2 cầm một đèn pin chiếu sáng để đánh nhau. Nguyễn Tân S cầm đá ven đường, Nguyễn Hữu T1 cầm một ống nhôm để đánh nhau. Hai bên lời qua

tiếng lại chửi tục nhau, rồi xông vào dùng gậy gỗ đánh nhau lộn xộn. Quá trình đánh nhau, T2 dùng đèn pin chiếu sáng đánh một cái vào mặt anh Q làm phần trán và sống mũi của anh Q bị thương. Còn B dùng gậy đánh nhau với Trịnh Trung T làm gậy của T rơi xuống đất sau đó B chạy tới ôm T và Trương Văn P chạy tới dùng gậy gỗ đánh nhiều cái vào người T. Thấy vậy, T2 cầm cán chổi lau nhà xông vào đánh T thì T đánh lại làm cán chổi rơi xuống đất. Sau đó, Trần Đức A cầm gậy gỗ xông vào đánh T nhưng do trời tối nên trúng vào đầu B còn T thì vùng dậy chạy. Quá trình đánh nhau Trần Nhật N cầm gậy chạy xông vào để đánh T nhưng khi vừa chạy vào thì bị ném gậy gỗ trúng phần lông mày trái vì bị thương chảy máu (nhưng không rõ ai ném) nên N ngồi xuống ôm mặt và chưa đánh được ai; Nguyễn Tân S thì nhặt đá ven đường ném vào nhóm T; Trương Văn Hường cầm gậy xông vào đánh nhau, tuy nhiên quá trình dùng gậy đánh thì trúng gậy của các bị cáo khác. Sau đó, H cầm gậy đánh theo hướng từ trên xuống, không trúng ai, trúng vào mặt đất làm gậy bị gãy làm hai đoạn. Hậu quả: Trịnh Trung T bị thương được gia đình đem vào điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình, rồi chuyển vào Bệnh viện Trung ương Huế. Anh Trịnh Trung Q được gia đình đem vào điều trị tại Bệnh viện trung ương Huế. Các bị cáo Nguyễn Duy B, Trần Nhật N, Trương Văn P, Nguyễn Hữu T2 bị thương nhẹ, tự điều trị tại nhà.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 53/TgT đã kết luận về tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe của anh Trịnh Trung Quân: Vết thương, chấn thương tháp mũi làm gãy xương chính mũi, đã được phẫu thuật chỉnh hình sống mũi. Hiện tại không ảnh hưởng đến chức năng thở; vết thương để lại sẹo kích thước 1x0,2cm. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên là 14%. Các thương tích là do vật tày gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 58/TgT đã kết luận về tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe của anh Trịnh Trung T: Vết thương vùng thái dương để lại sẹo kích thước 08x0,2cm. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên là 09%. Các thương tích ở cẳng tay trái, cẳng tay phải là do vật tày gây nên. Thương tích ở vùng thái dương không xác định được vật gây thương tích.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ngày 26/5/2020 các bị cáo và Trịnh Trung Q đã thống nhất thỏa thuận: Các bị cáo Trần Công T2, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tân S, Trần Nhật N, Nguyễn Duy B, Trần Đức A và Trương Văn P thống nhất bồi thường cho Trịnh Trung Q và Trịnh Trung T số tiền 80.000.000 đồng. Các bị cáo Trịnh Trung T và Trương Văn H thống nhất mỗi bị cáo bồi thường cho Nguyễn Duy B số tiền 700.000 đồng. Các bên cam kết không khiếu nại gì về dân sự.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ:

- 01 ống tuýp làm bằng kim loại, dạng ống tròn, kích thước dài 73,5 cm, đường kính 2,3 cm, màu nâu đen, bị hoen rỉ.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 128 cm, rộng 5,5 cm, dày 2,2 cm, một đầu bị gãy xước, kích thước vùng gãy xước dài 37 cm, rộng 4 cm; trên thanh gỗ có đóng 03 đinh sắt, có bám dính tạp chất.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 100 cm, rộng 5,5 cm, dày 3 cm; ở phần đầu tù có đóng một đinh sắt, ở phần đầu nhọn có đóng một đinh sắt nối với một thanh gỗ nhỏ, kích thước dài 48 cm, rộng 2 cm, dày 2 cm.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 73 cm, rộng 3 cm, dày 1,8 cm; một đầu bị gãy xước, kích thước vùng gãy xước 26 x 3 cm; một đầu có vết gãy xơ nham nhở, trên thanh gỗ có đóng 01 đinh sắt.
- 01 thanh gỗ tròn, kích thước dài 69 cm, đường kính 03 cm; hai đầu bị gãy xơ nham nhở, trên bề mặt có bám tạp chất màu nâu đen.
- 01 thanh gỗ tròn, kích thước dài 64 cm, đường kính 3 cm; một đầu bị gãy xước, kích thước vùng gãy xước 16 x 3 cm; một đầu gãy xơ nham nhở.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 62 cm, rộng 3 cm, dày 2 cm; một đầu bị gãy xước, kích thước vùng gãy xước 27 x 2,5 cm; một đầu bị gãy xước, kích thước vùng gãy xước 15 x 2,5 cm, trên thanh gỗ có đóng 01 đinh sắt.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 56 cm, rộng 3 cm, dày 2,5 cm; một đầu gãy xước dài 40 cm, rộng 2,5 cm; một đầu gãy xơ nham nhở, trên thanh gỗ có đóng 01 đinh sắt.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 55 cm, rộng 5,5 cm, dày 2,5 cm; hai đầu gãy xơ nham nhở, trên thanh gỗ có đóng 02 đinh sắt.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 55 cm, rộng 03 cm, dày 2,5 cm; một đầu gãy xước dài 40 cm x 2,5 cm, một đầu gãy xước, kích thước vùng gãy xước 11 x 2,5 cm.
- 01 thanh gỗ, kích thước dài 49 cm, rộng 3 cm, dày 2,5 cm; một đầu gãy xước, kích thước vùng gãy 10 x 3 cm, một đầu gãy xơ nham nhở.
- 01 thanh gỗ tròn, dài 44 cm, đường kính 03 cm, một đầu gãy xước kích thước vùng gãy 16 x 3 cm, một đầu gãy xơ nham nhở.
- 01 đôi dép cao su, nhãn hiệu Hồng Thanh, kích thước 27 x 10 cm, quai màu nâu đen, đế màu vàng đen, đã qua sử dụng.
- 01 chiếc dép tông, nhãn hiệu Versace, màu trắng đen, đã qua sử dụng, kích thước 27 x 10 cm, không ghi size.
- 01 cục đá cứng bề mặt nham nhở, không rõ hình dạng, bên ngoài có dính tạp chất, kích thước 9 x 4 x cm.

- 01 cục đá cứng, bề mặt nhám nhò, không rõ hình dạng, kích thước 15 x 6 x 3 cm.

Tại cáo trạng số 53/CT-VKSQT ngày 09 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố các bị cáo Trần Công T2, Trịnh Trung T, Tưởng Văn H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tân S, Trần Nhật N, Nguyễn Duy B, Trần Đức A và Trương Văn P về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân mỗi bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Trần Công T2, Trần Nhật N, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Duy B, Trịnh Trung T, Nguyễn Tân S, Trương Văn P, Tưởng Văn H mỗi bị cáo từ 24 - 28 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48-56 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 318; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nhật N 24-28 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 - 56 tháng.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 ống tuýp; 11 thanh gỗ, 01 đôi dép cao su, 01 chiếc dép tông, 02 cục đá cứng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Công T2, Trịnh Trung T, Tưởng Văn H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tân S, Trần Nhật N, Nguyễn Duy B, Trần Đức A và

Trương Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện vào đêm 11/4/2020. Do mâu thuẫn với nhau trước đó nên các bị cáo đã có hành vi dùng hung khí hò hét, rượt đuổi, đánh nhau tại trục đường liên thôn Phú Lộc 4, thôn Xuân Hải, xã Quảng Phú, là nơi tập trung dân cư đông đúc vào lúc sau 22 giờ, phá vỡ sự yên tĩnh, ổn định, làm cho quần chúng nhân dân thức giấc và làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn. Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra hoàn toàn phù hợp và thống nhất, thống nhất với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Công T2, Trịnh Trung T, Tường Văn H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tân S, Trần Nhật N, Nguyễn Duy B, Trần Đức A và Trương Văn P phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn gây thương tích cho Trịnh Trung Q với tỷ lệ 14%, Trịnh Trung T với tỷ lệ 09%, đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn bãi nại, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, không yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” đối với các đối tượng trên là phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 157 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của người dân ở địa bàn, quấy phá nơi công cộng với thái độ hung hăng, coi thường an ninh trật tự công cộng.

Vụ án có chín bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò, vị trí cụ thể trước khi phạm tội mà việc phạm tội này S và được thực hiện khi có người đề xướng, rủ rê thì cả bọn cùng đồng thuận thống nhất ý chí thực hiện.

Xét về tình tiết tăng nặng thì các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Duy B, Trịnh Trung T, Nguyễn Hữu T1, Trần Nhật N, Trần Đức A là những người có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Duy B, Trần Nhật N đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo

Nguyễn Hữu T1, Trần Nhật N, Trần Đức A đã bị xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ, cất giấu dao, kiếm, súng nhựa. Bị cáo Trần Đức A bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng”. Bị cáo Trịnh Trung T bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 8 năm tù về tội Cướp tài sản. Tuy các bị cáo đã được xóa tiền án, tiền sự nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi “Gây rối trật tự công cộng” thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình. Các bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả gây ra. Các bị cáo Trần Công T2, Nguyễn Tân S, Trương Văn P, Trương Văn H là những người đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo Trần Nhật N có mẹ là Nguyễn Thị Y có thời gian phục vụ trong quân đội, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải đi chấp hành hình phạt tù tại trại giam, cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương là cũng đủ nghiêm và thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra giữa các bị cáo và Trịnh Trung T, Trịnh Trung Q đã thỏa thuận bồi thường đầy đủ. Trong quá trình điều tra và đến tại phiên tòa không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng gồm: 01 ống tuýp; 11 thanh gỗ, 01 đôi dép cao su, 01 chiếc dép tông, 02 cục đá cứng xác định đây là vật mà các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội hiện không có giá trị, không sử dụng được nên áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Công T2, Trịnh Trung T, Trương Văn H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tân S, Trần Nhật N1, Nguyễn Duy B, Trần Đức A và Trương Văn P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Công T2, Trịnh Trung T, Trương Văn H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tân S, Trần Nhật N1, Nguyễn Duy B, Trần Đức A và Trương Văn P phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Trương Văn P, Trần Công T2 mỗi bị cáo 28 (hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 (năm mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/3/2021).

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 318; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Duy B mỗi bị cáo 26 (hai mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 (năm mươi hai) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/3/2021).

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Tân S, Trương Văn H, Trần Đức A, Trịnh Trung T mỗi bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/3/2021).

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 318; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nhật N 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/3/2021).

Giao các bị cáo Nguyễn Tân S, Nguyễn Duy B, Trần Nhật N, Trần Đức A, Trương Văn P, Trần Công T2 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao các bị cáo Trịnh Trung T, Nguyễn Hữu T1, Trương Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không xem xét

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 ống tuýp; 11 thanh gỗ, 01 đôi dép cao su, 01 chiếc dép tông, 02 cục đá cứng.

Các vật chứng trên có đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 05/01/2021.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Trần Công T2, Trịnh Trung T, Trương Văn H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tân S, Trần Nhật N, Nguyễn Duy B, Trần Đức A và Trương Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/3/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Tùng;
- UBND xã Quảng Phú;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương